

Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình xây dựng nông thôn mới nhìn từ thành công của một số quốc gia trên thế giới

Lê Huỳnh Mai*, Lê Mai Loan**

Ngày nhận: 22/11/2015

Ngày nhận bản sửa: 12/12/2015

Ngày duyệt đăng: 25/12/2015

Tóm tắt:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình xây dựng nông thôn mới là một trong những nội dung quan trọng được quan tâm thực hiện trong chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, qua hơn năm năm thực hiện, cơ cấu kinh tế nông thôn tuy có dịch chuyển nhưng còn chậm và chưa thực sự phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững. Trong khi đó, nhiều quốc gia trên thế giới đã thực hiện khá thành công quá trình chuyển dịch cơ cấu này. Học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia khác là cần thiết nhằm lựa chọn hướng đi, cách làm phù hợp cho sự phát triển của nông thôn nói chung và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn nói riêng. Vì vậy, bài viết tập trung vào việc xem xét kinh nghiệm của các nước từ việc xây dựng cơ chế chính sách, huy động nguồn lực, xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ người lao động, tạo dựng khoa học công nghệ... để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Từ khóa: chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu kinh tế nông thôn, nông thôn mới

International experiences in the economic structural changes in the process of new rural development - implications for Vietnam

Economic structural change in the process of new rural development is one of the key concerns in the National Programme on New Rural Development. However, after more than 5 years of implementation, the rural economic structure has shifted but still at low speed and has not really matched with the objectives of sustainable development. In the world, however, many countries have successfully implemented the process of this restructuring. Learning from other countries' experiences is necessary to identify the direction and the right way for the development of rural areas and restructuring the rural economy. Therefore, this article focuses on examining international experiences including crafting government policies and procedures, resources mobilization, infrastructure improvement, skills development, and technology application and innovation in order to generate successful rural economics structural change.

Key words: economics structural change, rural economic structure, rural development.

1. Sự cần thiết nghiên cứu kinh nghiệm các quốc gia về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam

Xây dựng nông thôn mới là một chương trình mục tiêu quốc gia được Đảng và Nhà nước ta chú trọng triển khai thực hiện với mong muốn xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch

vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn là một trong những nội dung quan trọng được đặt ra trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, sau hơn 5 năm thực hiện xây dựng nông thôn mới trên phạm vi cả nước,

mặc dù cơ cấu kinh tế nông thôn đã có sự dịch chuyển theo hướng tích cực nhưng tốc độ dịch chuyển còn chậm, hiện vẫn còn trên 60% lao động nông thôn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp với năng suất lao động thấp và thu nhập không ổn định.

Trong khi đó, thế giới đã chứng kiến nhiều quốc gia thành công trong cải cách, đổi mới và xây dựng nông thôn hiện đại, phồn vinh trong đời sống và sản xuất nông nghiệp, điển hình như Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc. Học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia đã thành công sẽ mang lại cho Việt Nam những bài học bổ ích, từ việc xây dựng chính sách, huy động nguồn lực, tạo dựng cơ sở hạ tầng.

2. Một số kinh nghiệm về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong xây dựng nông thôn mới của các nước trên thế giới

Dựa theo các yếu tố tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế, những mô hình cải cách nông thôn của sáu quốc gia, bao gồm Hoa Kỳ (mô hình kinh doanh nông nghiệp), Hàn Quốc (“Phong trào thi đua Làng Mới”), Nhật Bản (“Mỗi làng một sản phẩm”), Úc, Thái Lan và Trung Quốc sẽ được phân tích kinh nghiệm dựa trên các yếu tố:

- *Chính sách của Nhà nước*: chiến lược của Nhà nước và sự tham gia của người dân vào việc tạo ra và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp;

- *Nguồn vốn tài chính*: chi phí của các chính sách và nguồn vốn đầu tư;

- *Cơ sở hạ tầng*: tức là hệ thống kết cấu cơ bản (bao gồm các công trình giao thông, công cộng và dịch vụ công cộng như y tế, văn hóa, giáo dục) nhằm phục vụ xã hội, nâng cao đời sống cộng đồng địa phương;

- *Giáo dục*: tức các hình thức học tập và truyền thụ kiến thức, kỹ năng, thói quen qua các nhóm người hoặc các thế hệ;

- *Công nghệ - kỹ thuật*: hay sự áp dụng và nghiên cứu, đổi mới máy móc, công nghệ trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

2.1. Chính sách chung của Nhà nước

Trong quá trình đổi mới và phát triển vùng nông thôn, có ba phong trào phát triển nông thôn tiêu biểu, đó là “Kinh doanh nông nghiệp” của Hoa Kỳ, “thi đua Làng Mới” của Hàn Quốc và “Mỗi làng một sản phẩm” của Nhật Bản.

Tại Hoa Kỳ, dưới tác động của kinh tế thị trường

tự do, việc phát triển kinh tế nông thôn phụ thuộc vào sự tương tác của người nông dân và nhu cầu của thị trường. Vì vậy, để đạt được lợi nhuận cao nhất, nông dân ở Hoa Kỳ có xu hướng sản xuất với trang trại có quy mô lớn nhằm tận dụng lợi thế quy mô kinh tế; tức là giảm giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh khi sản xuất với quy mô lớn, tạo điều kiện để áp dụng máy móc, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, đồng thời để quy hoạch, sử dụng vật liệu sản xuất với hiệu suất cao nhất; và củng cố hoạt động linh hoạt hơn.

Chính sách phát triển nông thôn thành công đáng chú ý thứ hai là phong trào “thi đua Làng Mới” diễn ra ở Hàn Quốc vào những năm 1960. Phong trào “thi đua Làng Mới” chú trọng phát triển sản xuất nông nghiệp dựa trên cải thiện an sinh xã hội và chất lượng nông thôn. Bên cạnh việc quy định phúc lợi xã hội theo độ tuổi và hỗ trợ nhân sự cho hộ nông dân lớn tuổi, Nhà nước hỗ trợ và khuyến khích xây, sửa nhà cửa, mở rộng và nâng cấp đường giao thông thuận lợi cho giao thông vận tải, cải thiện chất lượng các công trình công cộng, trồng rừng và đổi mới phương thức sản xuất nông nghiệp (Douglass, 2013).

Tại Nhật Bản từ năm 1979, chính quyền nước này đã nghiên cứu và áp dụng chính sách phát triển “Mỗi làng một sản phẩm” (OVOP – One Village One Product) xuất phát từ thành phố Oita, nghĩa là mỗi địa phương sẽ lựa chọn sản xuất chuyên biệt một mặt hàng nông nghiệp (“Một làng, một sản phẩm” Kinh nghiệm nào cho Việt Nam?, 2007). Ví dụ, việc lựa chọn và sản xuất chuyên sâu các mặt hàng nông sản như nấm hương khô, chanh kakosu, rượu shochu, lúa mạch và rượu seiki đã đưa Oita từ một tỉnh nghèo thành một thành phố nổi tiếng, thịnh vượng nhờ các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao (Hoàng Tuấn, 2014). Chính sách “Mỗi làng một sản phẩm” được thực hiện dựa trên ba nguyên tắc phát triển. Nguyên tắc đầu tiên là “Hành động địa phương – suy nghĩ toàn cầu”, tức là sản phẩm được lựa chọn sẽ là nông sản đặc trưng của địa phương, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, nguồn lực sẵn có của địa phương và phụ thuộc vào nhu cầu của thị trường. “Tự tin, sáng tạo” là một nguyên tắc hết sức quan trọng trong việc nhận biết những nguồn lực chưa được khai thác và đưa vào sử dụng một cách sáng tạo để tạo ra giá trị lớn nhất cho sản phẩm nông nghiệp trên thị trường. Nguyên tắc thứ ba là “Phát triển nguồn nhân lực”. Nguyên tắc này sẽ được nói rõ hơn trong phần Giáo dục.

Chính sách Đổi mới kinh tế vào cuối thập niên 1970 cũng đã đem đến những thành công nhất định cho Trung Quốc. Với mục tiêu mở rộng sản xuất nông nghiệp, đa dạng hóa nền kinh tế nông nghiệp, khuyến khích áp dụng và cải tiến kỹ thuật để nâng cao chất lượng cuộc sống ở nông thôn, Trung Quốc đưa vào thực hiện chế độ hộ gia đình tự nhận lãnh trách nhiệm, đổi mới từ chính quyền kiểm soát hàng hóa nông nghiệp sang kinh tế thị trường (dẫn đến giá nông sản tăng lên nhiều lần), và khuyến khích sự phát triển của các ngành hoặc các hoạt động bổ sung, hỗ trợ nông nghiệp.

Tuy không đạt được những thành công vượt bậc như ba phong trào trên, Úc và Thái Lan cũng có được những thành quả tích cực trong quá trình phát triển nông thôn. Trong quá trình nghiên cứu các chính sách xây dựng nông thôn mới ở sáu quốc gia trên, một số điểm chung đã được đúc rút và cần được lưu ý, đó là: mở cửa thị trường và khuyến khích thương mại, liên kết sản xuất nông nghiệp với các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, phát triển bền vững trong sản xuất nông nghiệp và tăng cường sự tham gia của người dân.

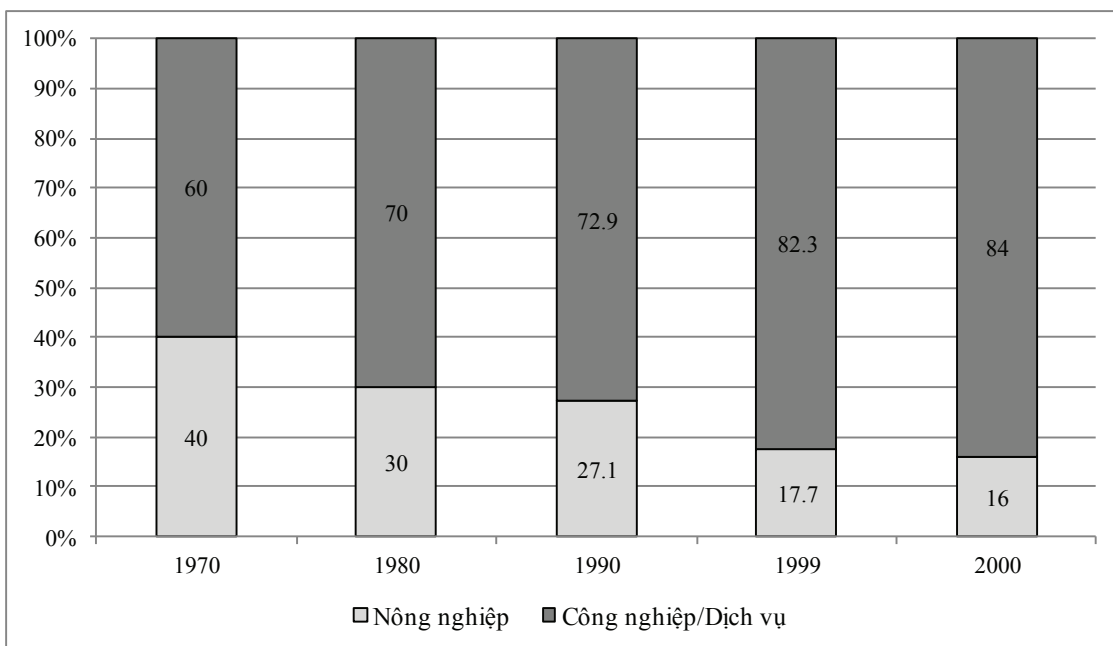
2.1.1. Mở cửa thị trường – khuyến khích thương mại phát triển

Đầu tiên, việc mở cửa thị trường – khuyến khích thương mại được chú trọng thực hiện tại năm trên sáu quốc gia được đề cập (Úc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Thái Lan và Trung Quốc). Hill (2013) cho rằng

thương mại, tức sự tự nguyện trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia, đem đến lợi ích và sự thịnh vượng dựa vào việc chuyên môn hóa các mặt hàng và dịch vụ mà quốc gia đó có khả năng sản xuất với hiệu suất lớn nhất và tạo ra lợi thế so sánh so với các quốc gia khác. Tại Úc, chính quyền quốc gia này tháo gỡ bớt các rào cản thương mại để từ đó hội nhập và tạo áp lực cạnh tranh quốc tế lên các công ty nội địa. Việc tạo điều kiện cho thương mại quốc tế phát triển tại Úc mang đến sự phồn vinh cho khu vực nông thôn và quốc gia thông qua số lượng việc làm tăng lên hàng năm và sự phân phối việc làm cho các đối tượng không làm nông tại các địa phương (Frenkel, 1988).

Tại Mỹ, dưới ảnh hưởng của chính sách kinh doanh nông nghiệp, sự tương tác đôi bên giữa các nông trại và thị trường là yếu tố quan trọng trong sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn. Vì vậy, các trang trại có xu hướng quan tâm đến nhu cầu của thị trường, đa dạng hóa sản phẩm với chất lượng và năng suất cao (dựa vào quy mô sản xuất lớn, áp dụng kiến thức nông nghiệp, cơ giới hóa trang trại và giảm thiểu nhân lực được sử dụng) nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Song, cạnh tranh cũng có thể đem đến những bất lợi khi có sự xuất hiện của độc quyền. Những nông trang nhỏ, trang trại hộ gia đình vì vậy sẽ bị hạn chế sức cạnh tranh, và người tiêu dùng sẽ chịu thiệt thòi do cung nông sản ít phong phú hơn. Vì vậy, để khuyến khích thương mại với các sản phẩm nông

Hình 1. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế Trung Quốc theo GDP



Nguồn: Zhang & cộng sự, 2003

nghiệp từ các trang trại này, các cơ quan công quyền đã có các chính sách hỗ trợ cho các nông trang nhỏ để giảm thiểu rủi ro nợ nần.

Tương tự, Trung Quốc cũng có những chính sách mở cửa thị trường nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp trong nước, tạo sức cạnh tranh và làm giàu bằng thương mại quốc tế, chuyển dịch từ nền kinh tế kế hoạch sang nền kinh tế thị trường mở cửa. Trung Quốc đã đưa ra những chính sách bao gồm xóa bỏ thuế nông nghiệp, mở cửa toàn diện thị trường nông sản, khuyến khích chuyên môn hóa sản xuất và trợ cấp trực tiếp cho nông dân. Nhờ vậy, từ những 1970 cho đến đầu thế kỷ XXI, kinh tế Trung Quốc phát triển mạnh với sự chuyển dịch rõ rệt trong cơ cấu kinh tế, ngành nông nghiệp từ chiếm tỷ trọng 40% GDP năm 1970 xuống chỉ còn 16% vào năm 2000 (Zhang & cộng sự, 2003).

Bên cạnh đó, chính sách mở cửa thị trường và khuyến khích thương mại còn được sử dụng cho chuyển dịch cơ cấu trong ngành nông nghiệp bằng cân bằng cung-cầu trên thị trường.

Đối với Nhật Bản, đất nước ứng dụng rộng rãi chính sách phát triển nông thôn “Mỗi làng một sản phẩm”, các mặt hàng nông nghiệp và dịch vụ được lựa chọn có một phần quan trọng dựa vào nhu cầu của thị trường. Vì vậy, mặt hàng nông sản của Nhật Bản chuyển dịch từ lúa gạo là chủ yếu sang nhiều mặt hàng nông sản phong phú, chất lượng cao và đậm chất địa phương với năng suất cao như chanh kabosu, ngựa seiki, cam mikan trong nhà kính hay cá sòng. Bên cạnh đó, nhằm giúp các nông sản và sản phẩm từ các làng nghề có đầu ra, chính quyền địa phương (các quận) hỗ trợ xây dựng hệ thống bán hàng, quảng cáo sản phẩm với những triển lãm, hội trợ và chính sách thúc đẩy tiêu dùng nội địa.

Trong khi đó, Chính phủ Thái Lan lại chọn cách can thiệp nhiều hơn vào quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp nước này. Nhà nước đưa ra chiến lược phát triển, phân bổ và quản lý sử dụng tài nguyên hợp lý tại các địa phương và những ngành nghề khác nhau, cân đối cung-cầu đồng thời quảng bá, khuyến khích và quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra, Nhà nước còn hỗ trợ vốn dựa trên chiến lược phát triển nông thôn và thúc đẩy công tác tiếp thị nhằm đảm bảo đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp.

2.1.2. Liên kết sản xuất nông nghiệp và các ngành công nghiệp, dịch vụ

Nhà nước Thái Lan đã sử dụng các ngành công nghiệp để trợ giúp cho ngành nông nghiệp. Thái Lan

tập trung vào một số ngành mũi nhọn như các sản phẩm nông-nư nghiệp, đồng thời thúc đẩy mạnh ngành công nghiệp chế biến nông sản để tạo ra các sản phẩm nông sản hoặc thực phẩm qua chế biến có giá trị lớn hơn, chất lượng cao hơn, thời gian sử dụng dài hơn phục vụ cho thương mại và xuất khẩu. Ngành công nghiệp này có đà phát triển mạnh mẽ nhờ chính sách phát triển nông nghiệp, chính sách bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và chính sách mở cửa thị trường khi thích hợp.

Với Hàn Quốc, chính phủ đã khuyến khích một loại hình dịch vụ phát triển đem đến cho người dân thêm thu nhập, cũng như sức sống cho vùng nông thôn, đó là du lịch xanh (Reed, 2010). Cũng đến từ nhu cầu của thị trường (mối quan tâm đến giá trị sinh thái, nhu cầu về thực phẩm an toàn và có lợi cho sức khỏe đang tăng lên), du lịch xanh phát triển thúc đẩy sự giao lưu trao đổi giữa vùng nông thôn và khu vực đô thị, từ đó nâng cao nhận thức và sự quan tâm của người dân đến các vùng nông thôn, tạo ra không khí hợp tác giữa hai khu vực. Để làm được điều này, những buổi đào tạo, huấn luyện đặc biệt đã được cung cấp cho cư dân của khu vực nông thôn, các quỹ hỗ trợ du lịch xanh và du lịch cộng đồng nông nghiệp đã được lập nên, các hình thức tuyên truyền, quảng cáo đã được thực hiện để khuyến khích người dân quan tâm đến du lịch xanh.

2.1.3. Chính sách phát triển bền vững

Tuy không có nhiều bằng chứng về việc chính sách phát triển bền vững được chú trọng thực hiện tại nhiều quốc gia trong đổi mới và phát triển nông nghiệp nhưng khi vấn đề môi trường đang trở thành mối quan tâm toàn cầu, đây có lẽ là một chính sách quan trọng cần được nghiên cứu.

Một trong những quốc gia đã quan tâm đến vấn đề phát triển bền vững trong xây dựng và đổi mới nông thôn là Thái Lan, với kế hoạch phân bổ tài nguyên hợp lý nhằm ngăn chặn sử dụng tài nguyên bừa bãi.

Hàn Quốc cũng có những hoạt động phát triển nông thôn bền vững với việc tuyên truyền và khuyến khích phát triển các làng trong khu vực nông thôn bảo vệ môi trường. Kế hoạch 5 năm đã được đưa ra theo từng khu vực nhỏ (3-5 làng) thực hiện từ năm 2005 khuyến khích cải thiện môi trường, cải tạo cảnh quan và nâng cao nhận thức và khả năng của người dân liên quan đến bảo vệ môi trường, từ đó tạo nên các dự án phát triển hợp tác với chính phủ và các chuyên gia. Bên cạnh đó, việc thu thập và xử lý rác thải cũng được chú trọng bởi chính phủ Hàn Quốc.

Để tăng cường thu gom chất thải nông nghiệp, Tổng công ty Môi trường và Tài nguyên Hàn Quốc đã và đang xúc tiến các dự án thuê ngoài, bao gồm cải thiện phương pháp thu gom hiện tại, thuê công ty thu gom rác tư nhân, tìm kiếm và lựa chọn công nghệ xử lý chất thải nhựa vinyl phù hợp nhất để có thể xử lý được rác thải nông nghiệp với hiệu suất cao nhất. Về xử lý rác thải nông nghiệp, chính phủ Hàn Quốc đã xây dựng 130 cơ sở xử lý rác thải tại các khu vực nông thôn trước năm 2006.

2.1.4. Tăng cường sự tham gia của người dân

Ngoài việc đóng góp vốn cho các dự án, công trình xây dựng và phát triển nông thôn, nhiều chính quyền quốc gia (dân chủ) đã ủy quyền và thúc đẩy sự tham gia của quần chúng sâu hơn trong các quyết định liên quan đến phát triển kinh tế khu vực, tiêu biểu là Úc, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Chính quyền Úc đã giao quyền và thúc đẩy sự tham gia của nhân dân quốc gia này trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế (thông qua thương mại) và trong việc phát triển những ngành kinh tế quan trọng (Share & cộng sự, 1994). Trong khi đó, kinh tế và việc phát triển nông thôn ở Hoa Kỳ gần như hoàn toàn phụ thuộc vào quyết định của người dân trong mối quan hệ cung-cầu của thị trường. Nhà nước Hoa Kỳ có không nhiều ảnh hưởng lên cạnh tranh của thị trường với những hỗ trợ cho các nông trang nhỏ để giúp họ tồn tại và tiếp tục sản xuất. Ở Nhật Bản, các nhóm dân cư của các làng có toàn quyền quyết định sản phẩm cả làng sản xuất dựa trên nhận thức của người dân về nhu cầu thị trường và nguồn lực, năng lực cốt lõi của địa phương. Ngoài ra, nhân dân trong làng còn có quyền quyết định về cách thức tăng năng suất, chất lượng sản phẩm (ứng dụng kiến thức, kỹ thuật, công nghệ cao) và phân phối sản phẩm với sự hỗ trợ nhất định từ nhà nước.

Về việc xây dựng bộ mặt nông thôn, tại Hàn Quốc, quần chúng địa phương có toàn quyền quyết định, đóng góp và thực hiện công việc cũng như ghi công lao, khen thưởng những cá nhân tiêu biểu. Nhân dân tự bàn bạc, thỏa thuận các công việc, hiến đất, tháo dỡ công trình, cây cối; góp công sức, tài chính và vật chất khác để hoàn thành các công việc: từ xây sửa nhà cửa, cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi đến phát triển sản xuất hay trồng rừng. Nhà nước chỉ phân phối một lượng nguồn lực, vật tư nhất định để thực hiện các công việc xây dựng và đổi mới nông thôn đã được người dân cùng nhau thông qua và quyết định, chủ yếu là các công trình phúc lợi và cơ sở hạ tầng.

2.2. Nguồn vốn tài chính

Tại đa số các quốc gia, nguồn vốn tài chính cho việc phát triển nông nghiệp và xây dựng, đổi mới nông thôn phần nhiều tự nguyện đến từ người dân, do dân chịu trách nhiệm dưới sự hỗ trợ, định hướng của chính quyền, nhà nước. Ví dụ như tại Hoa Kỳ, nguồn vốn đầu tư cho hoạt động tại các trang trại là các hộ gia đình, hoặc doanh nghiệp sở hữu hay thuê lại nông trại đó. Việc đầu tư hoàn toàn vào trang trại có khả năng gây khó khăn cho các gia đình để duy trì một nông trang dù ở quy mô nhỏ. Vì vậy, như đã nói ở trên, để đảm bảo sự phong phú về cung cũng như giảm thiểu ảnh hưởng của độc quyền, các trang trại nhỏ này được hỗ trợ về nhiều mặt từ các cơ quan công quyền.

Tại Hàn Quốc, nơi chú trọng nhiều hơn vào việc xây dựng lại, đổi mới và phát triển bộ mặt nông thôn, nguồn vốn cũng phần lớn đến từ sự đóng góp về trách nhiệm, công sức, tài chính và vật chất của nhân dân. Nhân dân tự thỏa thuận đóng góp, hiến đất, đóng góp công sức tháo dỡ công trình, cây cối, xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà máy, xây sửa công trình giao thông và tạo thêm việc làm. Nhà nước có hỗ trợ một phần tài chính cho phát triển các công trình hạ tầng xã hội, nhà máy tạo công ăn việc làm, song 5-10 phần công sức, vốn đầu tư vẫn thuộc về nhân dân.

Tại Thái Lan, thị trường thực phẩm chịu ảnh hưởng mạnh từ hoạt động của các nhà sản xuất trong nước hoạt động bằng nguồn vốn chính phủ hoặc vốn đầu tư nước ngoài (các công ty liên doanh). Vì vậy, tuy nguồn vốn phần lớn là do tư nhân, song thị trường thực phẩm vẫn chịu ảnh hưởng của chính quyền thông qua các công ty vốn đầu tư nhà nước, hoặc từ những hỗ trợ, khuyến khích của chính phủ dành cho các hoạt động phù hợp với chiến lược quốc gia.

Tuy nhiên, khác với phần lớn các quốc gia khác, tại Trung Quốc, phát triển nông thôn được quy định bởi chính phủ và được đầu tư phần lớn từ vốn nhà nước. Sản xuất nông nghiệp thuộc trách nhiệm của các hộ gia đình, chính phủ hỗ trợ giá giống cây trồng và giá lương thực cho người nông dân (không thấp hơn giá thị trường), đầu tư mua máy móc, thiết bị và vốn sản xuất nông nghiệp. Về việc phát triển nông thôn, nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và xây sửa nhà cửa cho người dân.

2.3. Cơ sở hạ tầng

Theo Blakeman (trích dẫn trong Hoàng Sơn, 2011), đầu tư các công trình hạ tầng cơ sở, đường giao thông, bến bãi và kho hàng giúp giảm giá thành

sản phẩm nông sản (do giá thành vận chuyển sản phẩm nông nghiệp giảm với thời gian được rút ngắn, từ đó giảm chi phí sản xuất và phân phối), bên cạnh đó đảm bảo chất lượng nông sản, tránh hư hỏng, xuống cấp, gia tăng khả năng cạnh tranh cho sản phẩm nội địa. Vì vậy, các quốc gia thường chú trọng xây dựng, mở rộng và nâng cấp cơ sở hạ tầng trong quá trình xây dựng và phát triển nông thôn.

Phong trào “thi đua Làng Mới” ở Hàn Quốc là một ví dụ. Từ năm 1971 đến 1978, Hàn Quốc đã nâng cấp 43.631 km đường giao thông liên xã, xây dựng được 68.797 cầu băng qua các sông suối, kiên cố hóa 7.893 km đê kè, 24.140 hồ chứa nước và cung cấp điện tới 98% hộ dân (Phạm Thị Oanh, 2011). Năm 2005, Hàn Quốc đầu tư 242 triệu USD cho việc nâng cấp 247 km đường giao thông, xây dựng 163 km đường liên kết các làng, 43 km hệ thống thoát nước, 21 công trình thủy lợi, 73 trung tâm phúc lợi xã hội trên 338 xã. Năm 2006, chính phủ nước này đầu tư 8.4 triệu USD để xây dựng 158 trung tâm y tế cho nông dân với mục đích nâng cao sức khỏe và cải thiện chất lượng đời sống cho các đối tượng này.

Trong khi đó, chính phủ Thái Lan lại đặc biệt quan tâm đến thủy lợi và điện khí hóa nông thôn. Vì vậy, Nhà nước đã có chiến lược trong xây dựng và phân bổ các trạm thủy điện và công trình thủy lợi lớn.

Đối với Trung Quốc, phần lớn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương là dành cho xây dựng, nâng cấp các công trình hạ tầng cơ sở, đặc biệt là đường giao thông và các công trình thủy lợi. Nước này đã làm mới và sửa chữa khoảng 300.000 km đường nông thôn chỉ trong năm 2009.

Có thể nói, phát triển cơ sở hạ tầng là vấn đề rất cần được quan tâm dựa vào những lợi ích nó mang lại cho đời sống của người dân cũng như trong sản xuất nông nghiệp, khi giao thông vận tải trở nên dễ dàng hơn cũng như việc sử dụng phương tiện sản xuất, máy móc cho sản xuất quy mô lớn lại thuận tiện hơn.

2.4. Giáo dục nâng cao trình độ lao động

Để mở rộng sản xuất nông nghiệp, hướng người nông dân đến nền kinh tế nông nghiệp với năng suất và chất lượng nông sản cao, giảm thiểu khó khăn trong việc áp dụng máy móc, công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất và chế biến nông sản, giáo dục cần được quan tâm, đặc biệt trong quá trình đổi mới nông thôn. Một số hướng tiếp cận giáo dục góp phần nâng cao hiệu quả của phát triển vùng nông thôn đã được các nước áp dụng.

Nước Úc đã áp dụng chương trình vùng khu vực khó khăn (Disadvantaged Country Areas Program - 1977) tạo điều kiện để học sinh vùng nông thôn tiếp cận với nền giáo dục bằng cách cải thiện tài liệu giáo dục, chất lượng chương trình và phương pháp giảng dạy, phương thức đánh giá phù hợp với sự khác biệt địa lý, văn hóa xã hội của từng vùng. Ngoài ra, cơ chế giáo dục công miễn phí đóng góp vai trò chủ đạo (bên cạnh các trường tư, hệ thống giáo dục Cơ Đốc Giáo và trường tư hạng ưu) xuất hiện từ thế kỷ XIX cũng tạo điều kiện về tài chính để học sinh vùng nông thôn có khả năng đến trường (Share & cộng sự, 1994).

Cũng giống như ở Úc, chính phủ Hàn Quốc hỗ trợ học sinh khu vực nông thôn tiếp cận với nền giáo dục, song bằng những chính sách học bổng cho học sinh phổ thông trung học và hỗ trợ học phí đối với sinh viên. Ở một nước phát triển như Hoa Kỳ, nông dân là những người có trình độ cao: đại học hoặc cao học nhờ những chính sách tạo điều kiện đặc biệt của chính phủ.

Về kỹ năng nghề nghiệp, lao động Trung Quốc, đặc biệt là thanh niên không chỉ được khuyến khích học tập mà còn được tham gia các hoạt động hướng nghiệp và đào tạo kỹ năng làm việc. Tại Thái Lan, người dân vùng nông thôn được khuyến khích học tập, nâng cao trình độ không chỉ của cá nhân mà còn của tập thể với các lớp học, hoạt động chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trong khi đó, thành công của chính sách OVOP của Nhật Bản được coi là phần nào bắt nguồn từ sự chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật sản xuất hiệu quả giữa những người nông dân trong làng.

Đặc biệt, trong phong trào “thi đua Làng Mới”, chính quyền Hàn Quốc còn quan tâm đào tạo cán bộ phục vụ phát triển nông thôn. Nhà nước đầu tư xây dựng các trung tâm đào tạo cấp quốc gia cùng mạng lưới trường nghiệp vụ của các ngành ở địa phương. Đội ngũ cán bộ được đào tạo miễn phí trong một đến hai tuần (Douglass, 2013).

2.5. Công nghệ - kỹ thuật

Trong thế kỷ của công nghệ, việc áp dụng các ngành khoa học, công nghệ vào sản xuất đòi hỏi ít nhân lực hơn, song có thể tạo ra số lượng lớn hơn sản phẩm đạt được chất lượng tiêu chuẩn cũng như dễ dàng đo lường và quản lý hơn.

Tại Hàn Quốc, nhà nước khuyến khích phong trào cơ khí hóa sản xuất nông nghiệp. Tại Trung Quốc, nhà nước trợ cấp 13% giá thành sản phẩm đồ gia dụng, ô tô, xe máy, máy móc, thiết bị thuộc định hướng của

chính quyền để áp dụng vào sản xuất và nghiên cứu sản phẩm. Trong khi đó, dưới sức ép của thị trường cạnh tranh, các nông trang áp dụng máy móc vào sản xuất, trang bị cơ giới hóa nông nghiệp nhằm đạt được năng suất cao hơn với quy mô lớn hơn.

Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm cũng nhận được sự quan tâm rất lớn từ chính quyền Nhật Bản và Hàn Quốc. Nhà nước Hàn Quốc khuyến khích áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ nhà lưới, nhà kính trong trồng trọt cũng như nghiên cứu, ứng dụng lai tạo và đột biến để tạo ra giống mới. Trong khi đó, ở Nhật Bản, chính quyền địa phương (Quận) hỗ trợ nhiều mặt trong việc ứng dụng kỹ thuật cao trong sản xuất, khuyến khích sáng tạo và đổi mới đồng thời đầu tư vào các viện nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm mới phục vụ cho công cuộc phát triển sản phẩm với hiệu quả sản xuất lớn hơn.

3. Kết luận

Tóm lại, mỗi quốc gia dựa vào nội lực, lợi thế của

đất nước, của mỗi vùng có thể có những cách làm khác nhau nhằm vực dậy khu vực nông thôn, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn nhưng có thể thấy, vai trò của nhà nước trong quá trình này là hết sức quan trọng. Nhà nước là người đề xuất và xây dựng các chính sách phát triển nông nghiệp phù hợp, trong đó mở cửa thị trường – khuyến khích thương mại, liên kết sản xuất nông nghiệp với các ngành công nghiệp – dịch vụ hỗ trợ, phát triển bền vững và gia tăng sự tham gia của người dân vào xây dựng, đổi mới nông thôn là những hướng đi cần được quan tâm.

Ngoài ra, để đảm bảo hiệu quả trong xây dựng và phát triển kinh tế nông nghiệp – nông thôn, nhà nước cần khuyến khích việc khai thác các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, thúc đẩy giáo dục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và không ngừng áp dụng, đổi mới công nghệ - kỹ thuật trong sản xuất cần được định hướng và quản lý chặt chẽ. □

Tài liệu tham khảo

- Douglass, M. (2013), ‘The Saemaul Undong: South Korea’s Rural Development Miracle in Historical Perspective’, *Asia Research Institute*, Working paper series No.197.
- Frenkel, S. (1988), ‘Containing Dualism through Corporatism: Changes in Contemporary Industrial Relations in Australia’, *Bulletin of Comparative Industrial Relations*, 20, 113-145.
- Hill, C.W. (2013), *International Business: Competing in the Global Marketplace*, McGraw-Hill, New York.
- Hoàng Sơn (2011), *Kinh doanh nông nghiệp: Học gì từ người Mỹ?*, truy cập lần cuối ngày 4 tháng 12 năm 2011, từ <<http://danviet.vn/kinh-te/kinh-doanh-nong-nghiep-hoc-gi-tu-nguoi-my-88270.html>>.
- Hoàng Tuấn (2014), *Mỗi làng một sản phẩm*, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 3 năm 2014, từ <<http://anninhthudo.vn/binh-luan/moi-lang-mot-san-pham/542156.antd>>.
- “Một làng, một sản phẩm” *Kinh nghiệm nào cho Việt Nam?* (2007), truy cập lần cuối ngày 18 tháng 4 năm 2007, từ <<http://vietbao.vn/Kinh-te/Mot-lang-mot-san-pham-Kinh-nghiem-nao-cho-Viet-Nam/65089390/87>>
- Phạm Thị Oanh (2011), ‘Phong trào làng mới Saemaul ở Hàn Quốc, quá trình phát triển và thành tựu’, *Tạp chí Xã hội học*, 4(116), 104-110.
- Share, P., Lawrence, G. & Boylin, C. (1994), ‘Educational Policy and the Australian Rural Economy’, *Journal of Research in Rural Education*, 10(1), 58-67
- Reed, Edward P. (2010), *Is Korea’s Saemaul&Undong a Model for Developing Countries Today?*, Saemaul Academy, Seoul, Korea.
- Zhang, L.X., Liu, J. S.F., Yang, N.S. & Gardiner, P.R. (2003), *Agricultural development and the opportunities for aquatic resources research in China*, WorldFish Center.

Thông tin tác giả:

***Lê Huỳnh Mai**, Thạc sỹ, nghiên cứu sinh

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kế hoạch phát triển, trường đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu: Kinh tế phát triển

- Địa chỉ Email: huynhmai208@gmail.com

****Lê Mai Loan**

- Tổ chức tác giả công tác: trường đại học Kinh tế quốc dân